

## **Báo cáo Tài chính**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH  
VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC HÀ NỘI**

**Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
(Đã được kiểm toán)**

**NỘI DUNG**

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02- 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	09-23

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH MTV Sách – Thiết bị và Xây dựng Trường học Hà Nội, chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4293/QĐ-UBND ngày 27 tháng 08 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 số 0100110302 ngày 19 tháng 10 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Quốc Bảo	Chủ tịch	
Ông Trần Đỗ Thành	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/06/2019
Ông Đỗ Quang Thịnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên	
Bà Bạch Thị Tuyết Mai	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/06/2019
Bà Nguyễn Phương Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2019
Ông Phan Mạnh Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Quang Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Xuân Dương	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Bạch Thị Tuyết Mai	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2019

Các thành viên Ban kiểm soát gồm:

Bà Phạm Thị Minh Huyền	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tiến Hiếu	Thành viên
Ông Vũ Huy Thành	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

#### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

**Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội**  
Số 45B, Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

---

- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Lê Quốc Bảo**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2020



Số: 150320.004/BCTC.FIS2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội được lập ngày 15 tháng 03 năm 2020 từ trang 05 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2018-002-1

**Nguyễn Phạm Hùng**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2893-2020-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>15.747.198.451</b>	<b>19.912.591.968</b>
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	3.433.183.563	3.250.972.148
111	1. Tiền		3.433.183.563	3.250.972.148
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.263.306.164	6.419.473.582
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	2.904.050.623	5.145.706.503
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	32.801.369
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	5	1.359.255.541	1.224.410.603
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	16.555.107
140	IV. Hàng tồn kho		8.035.226.987	10.171.026.581
141	1. Hàng tồn kho	6	8.035.226.987	10.171.026.581
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		15.481.737	71.119.657
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	15.481.737	71.119.657
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>11.293.784.522</b>	<b>12.361.221.769</b>
220	II. Tài sản cố định		11.293.784.522	12.060.275.596
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	11.169.367.853	11.937.775.595
222	- Nguyên giá		22.229.353.949	22.537.540.726
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.059.986.096)	(10.599.765.131)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	124.416.669	122.500.001
228	- Nguyên giá		209.500.000	380.479.990
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(85.083.331)	(257.979.989)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	300.946.173
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	300.946.173
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>27.040.982.973</b>	<b>32.273.813.737</b>

100  
C  
SÁCH  
TÀI  
KIỂM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.426.343.203</b>	<b>7.545.090.585</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>5.426.343.203</b>	<b>7.545.090.585</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	3.494.510.757	4.382.177.722
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	271.412.342	171.358.700
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	98.499.442	154.401.213
314	4. Phải trả người lao động		1.299.211.985	987.927.670
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	12	146.871.440	1.785.686.992
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		115.837.237	63.538.288
<b>400</b>	<b>B. NGUỒN VỐN</b>		<b>21.614.639.770</b>	<b>24.728.723.152</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>13</b>	<b>21.614.639.770</b>	<b>24.728.723.152</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.000.000.000	20.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.000.000.000	20.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		556.798.109	4.000.000.000
415	5. Cổ phiếu quỹ		(486.000.000)	(486.000.000)
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		274.656.798	222.357.849
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.269.184.863	992.365.303
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		731.770.626	79.986.326
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		537.414.237	912.378.977
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>21.614.639.770</b>	<b>32.273.813.737</b>

**Trần Trung**  
Người lập biểu

**Nguyễn Hải Đăng**  
Kế toán trưởng





**Lê Quốc Bảo**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2020


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	163.897.785.333	152.803.426.924
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	15	3.537.464.503	2.495.713.182
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	160.360.320.830	150.307.713.742
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	16	138.327.142.050	129.132.253.268
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.033.178.780	21.175.460.474
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		13.200.760	11.886.517
22	7. Chi phí tài chính		426.540.130	341.171.889
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		426.540.130	341.171.889
25	8. Chi phí bán hàng	17	14.178.533.369	13.612.197.266
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	6.658.480.714	5.967.345.490
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		782.825.327	1.266.632.346
31	11. Thu nhập khác		84.616.932	41.518.931
32	12. Chi phí khác		674.462	677.556
40	13. Lợi nhuận khác		83.942.470	40.841.375
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		866.767.797	1.307.473.721
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19	173.353.560	261.494.744
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		693.414.237	1.045.978.977
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	313	498

  
Trần Trung  
Người lập biểu

  
Nguyễn Hải Đăng  
Kế toán trưởng



  
Lê Quốc Bảo  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2020



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2019  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>866.767.797</b>	<b>1.307.473.721</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
02	Khấu hao tài sản cố định		805.991.074	828.459.511
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(14.700.760)	(8.921.662)
06	Chi phí lãi vay		426.540.130	341.171.889
08	<b>3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>2.084.598.241</b>	<b>2.468.183.459</b>
09	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		2.156.167.418	(482.251.840)
10	Giảm hàng tồn kho		2.135.799.594	1.314.360.361
11	(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.274.758.750)	(1.002.817.986)
12	Giảm chi phí trả trước		300.946.173	640.544.200
14	Tiền lãi vay đã trả		(426.540.130)	(341.171.889)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(170.000.000)	(330.823.133)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(156.000.000)	(204.865.182)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>3.650.212.546</b>	<b>2.061.157.990</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(39.500.000)	(236.600.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		1.500.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.200.760	7.848.329
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(24.799.240)</b>	<b>(228.751.671)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		(3.443.201.891)	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		26.252.930.530	28.777.469.782
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(26.252.930.530)	(28.777.469.782)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(797.600.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(3.443.201.891)</b>	<b>(797.600.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>182.211.415</b>	<b>1.034.806.319</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	3.250.972.148	2.216.165.829
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	3	<b>3.433.183.563</b>	<b>3.250.972.148</b>

Trần Trung  
Người lập biểu

Nguyễn Hải Đăng  
Kế toán trưởng

Lê Quốc Bảo  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2019

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội ("Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Sách – Thiết bị và Xây dựng Trường học Hà Nội, chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4293/QĐ-UBND ngày 27 tháng 08 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hiện nay hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 số 0100110302 ngày 19 tháng 10 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 45B, Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

**Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

- ▶ Kinh doanh sách, báo, các ấn phẩm, văn phòng phẩm;
- ▶ Kinh doanh các thiết bị điện tử, công nghệ thông tin;
- ▶ Kinh doanh các đồ dùng gia đình, đồ dùng học sinh;
- ▶ Xây dựng cơ sở vật chất trường học, cung cấp lắp đặt các thiết bị, đồ dùng dụng cụ dạy và học.

**Cấu trúc Công ty**

Cấu trúc của Công ty tại ngày 31/12/2019 bao gồm:

<u>Stt</u>	<u>Đơn vị hạch toán phụ thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>
1	Văn phòng Công ty	Số 45B, Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	Trung tâm số 1	Số 45B, Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
3	Trung tâm số 2	Số 45B, Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
4	Trung tâm số 3	Số 11, Trần Huy Liệu, quận Ba Đình, Hà Nội
5	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm	Số 2 Cửa Bắc, quận Ba Đình, Hà Nội
6	Cửa hàng số 2	Số 2 Cửa Bắc, quận Ba Đình, Hà Nội
7	Xí nghiệp Xây lắp	Số 2 Cửa Bắc, quận Ba Đình, Hà Nội

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 2.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền.  
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định (hữu hình/vô hình) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định (hữu hình/vô hình) được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm máy tính bao gồm phần mềm phục vụ bán hàng tại các trung tâm, cửa hàng, website của Công ty.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▶ Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50 năm
▶ Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm
▶ Phương tiện vận tải	10 năm
▶ Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

### 2.7 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.11 Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; và
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; và
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### *Doanh thu hoạt động xây dựng:*

- ▶ Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận trong trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- ▶ Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.
- ▶ Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **2.12 Giảm trừ doanh thu**

Giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **2.13 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

### **2.14 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là chi phí đi vay, được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

### **2.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành (20%).

### **2.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### **2.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### **2.18 Báo cáo bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh sách và các thiết bị giáo dục chủ yếu diễn ra tại khu vực Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý;

**3. Tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	355.217.785	278.314.969
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.077.965.778	2.972.657.179
	<b>3.433.183.563</b>	<b>3.250.972.148</b>

**4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.904.050.623</b>	<b>3.413.316.503</b>
Nhà sách Bình Thủy	273.618.049	459.386.278
Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội - Tiểu học	920.282.811	955.365.000
Khác	1.710.149.763	1.998.565.225
<b>Hoạt động xây lắp</b>	<b>-</b>	<b>1.732.390.000</b>
Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật NIC	-	1.732.390.000
	<b>2.904.050.623</b>	<b>5.145.706.503</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tạm ứng	22.000.000	230.780.913
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	50.000.000
Phải thu tiền tư vấn thiết kế, khảo sát và giải phóng mặt bằng (*)	966.728.541	840.261.041
Phải thu khác	320.527.000	103.368.649
	<b>1.359.255.541</b>	<b>1.224.410.603</b>

(\*) Phải thu tiền tư vấn thiết kế, khảo sát và giải phóng mặt bằng gồm các khoản chi phục vụ "Dự án xây dựng Tòa nhà trụ sở Văn phòng và dịch vụ cao cấp" của Công ty:

- (i) Tiền đền bù giải tỏa cho đối tượng Đình Loan Nghiêm với số tiền 200.000.000 VND,
- (ii) Tạm ứng Công ty TNHH Thương mại Tư vấn Thiết kế Xây dựng Á Châu 360.140.800 VND; và
- (iii) Tiền lương, tiền công tổ giải phóng mặt bằng với số tiền 406.587.741 VND.

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Hàng hóa	8.035.226.987	10.171.026.581
	<b>8.035.226.987</b>	<b>10.171.026.581</b>

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2019	20.083.001.404	470.020.777	1.984.518.545	22.537.540.726
Thanh lý	-	(308.186.777)	-	(308.186.777)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>20.083.001.404</b>	<b>161.834.000</b>	<b>1.984.518.545</b>	<b>22.229.353.949</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2019	8.772.579.771	402.777.026	1.424.408.334	10.599.765.131
Khấu hao trong năm	569.590.774	19.212.500	179.604.468	768.407.742
Thanh lý	-	(308.186.777)	-	(308.186.777)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>9.342.170.545</b>	<b>113.802.749</b>	<b>1.604.012.802</b>	<b>11.059.986.096</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2019	11.310.421.633	67.243.751	560.110.211	11.937.775.595
Tại ngày 31/12/2019	<b>10.740.830.859</b>	<b>48.031.251</b>	<b>380.505.743</b>	<b>11.169.367.853</b>

**8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là website Công ty, phần mềm bán hàng, phần mềm kế toán có nguyên giá tại 31/12/2019 là 209.500.000 VND, khấu hao trong năm là 37.583.332 VND và khấu hao lũy kế tại 31/12/2019 là 85.083.331 VND.



9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Sách và Văn Hóa Phẩm Quảng Lợi	155.787.867	155.787.867	150.926.592	150.926.592
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	572.332.853	572.332.853	843.056.837	843.056.837
Công ty Cổ phần đồ chơi an toàn Việt	-	-	123.088.761	123.088.761
Phải trả cho các đối tượng khác	2.766.390.037	2.766.390.037	3.265.105.532	3.265.105.532
	<b>3.494.510.757</b>	<b>3.494.510.757</b>	<b>4.382.177.722</b>	<b>4.382.177.722</b>

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019		Năm 2019		31/12/2019	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	79.680.795	791.827.106	738.756.962	-	26.610.651
Thuế thu nhập doanh nghiệp	71.119.657	-	170.000.000	225.637.920	15.481.737	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	74.720.418	263.202.235	260.370.608	-	71.888.791
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	3.800.292.541	3.800.292.541	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	56.061.666	56.061.666	-	-
	<b>71.119.657</b>	<b>154.401.213</b>	<b>5.085.383.548</b>	<b>5.085.119.697</b>	<b>15.481.737</b>	<b>98.499.442</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Giáp Thị Vân Khanh ( Cửa hàng Café Vintage 197)	-	144.000.000
Công ty Cổ phần Bá Dương Nội	55.412.342	-
Công ty TNHH Thương Mại và Đầu tư Green Gate Việt Nam	216.000.000	-
Các đối tượng khác	-	27.358.700
	<u><b>271.412.342</b></u>	<u><b>171.358.700</b></u>

**12. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	20.392.500
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược	15.000.000	25.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	131.871.440	1.740.294.492
	<u><b>146.871.440</b></u>	<u><b>1.785.686.992</b></u>

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cổ phiếu Quý VND	Quý đầu tư phát triển VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>1.045.063.303</b>	<b>(486.000.000)</b>	<b>163.379.341</b>	<b>24.722.442.644</b>
Lợi nhuận năm nay	-	-	1.045.978.977	-	-	1.045.978.977
Phân phối lợi nhuận	-	-	(915.557.016)	-	58.978.508	(856.578.508)
Giảm khác	-	-	(183.119.961)	-	-	(183.119.961)
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>992.365.303</b>	<b>(486.000.000)</b>	<b>222.357.849</b>	<b>24.728.723.152</b>
Lợi nhuận năm nay	-	-	693.414.237	-	-	693.414.237
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	(104.597.898)	-	52.298.949	(52.298.949)
Thanh toán lãi do chậm nộp các khoản thu từ cổ phần hóa DNNN (i)	-	(3.443.201.891)	-	-	-	(3.443.201.891)
Khoản truy thu và phạt thuế theo Biên bản kiểm tra thuế	-	-	(155.996.779)	-	-	(155.996.779)
Thủ lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không thường trực	-	-	(156.000.000)	-	-	(156.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>556.798.109</b>	<b>1.269.184.863</b>	<b>(486.000.000)</b>	<b>274.656.798</b>	<b>21.614.639.770</b>

(i) Khoản thanh toán tiền lãi phát sinh do chậm nộp các khoản thu từ cổ phần hóa DNNN theo thông báo kết quả Kiểm toán của KTNN theo Công văn số 991/STC-TCDN ngày 01/02/2019 với số tiền 3.443.201.891 VND.

- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 45/NQ-HABOOK-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 06 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau.

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận được phân phối		1.045.978.980
Trích quỹ đầu tư phát triển	5%	52.298.949
Quỹ khen thưởng phúc lợi	5%	52.298.949

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

	31/12/2019 VND	Tỷ lệ %	01/01/2019 VND	Tỷ lệ %
UBND Thành phố Hà Nội	7.518.000.000	37,59%	7.518.000.000	37,59%
Đỗ Ngọc Khanh	6.209.500.000	31,05%	6.209.500.000	31,05%
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	5.709.500.000	28,55%	5.709.500.000	28,55%
Các cổ đông khác	563.000.000	2,81%	563.000.000	2,82%
	<b>20.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</b>		
Cổ tức, lợi nhuận chia từ lợi nhuận năm trước	-	797.600.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu Quý)		
Cổ phiếu phổ thông	6.000	6.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.994.000	1.994.000

**14. Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại các địa chỉ sau:

- ▶ Hợp đồng thuê đất ở số 2 Cửa Bắc để sử dụng với mục đích sử dụng làm văn phòng làm việc, cơ sở kinh doanh kể từ ngày 01/01/1996. Diện tích khu đất thuê là 1649 m<sup>2</sup>. Hợp đồng này đã hết hạn và đang trong quá trình gia hạn, theo đó Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm theo thông báo tạm tính của cơ quan thuế.
- ▶ Hợp đồng thuê đất tại 45B Lý Thường Kiệt để sử dụng với mục đích sử dụng làm văn phòng làm việc, cơ sở kinh doanh trong thời gian 50 năm kể từ ngày 15/10/1993. Diện tích khu đất thuê là 1.076,3 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế.

**15. Doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>163.897.785.333</b>	<b>152.803.426.924</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	163.828.741.648	151.137.773.924
Doanh thu xây lắp	69.043.685	1.665.653.000
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>3.537.464.503</b>	<b>2.495.713.182</b>
Hàng bán bị trả lại	3.537.464.503	2.495.713.182
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>160.360.320.830</b>	<b>150.307.713.742</b>

**16. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hàng hóa và cung cấp dịch vụ	138.260.170.550	127.516.570.818
Giá vốn xây lắp	66.971.500	1.615.682.450
	<b>138.327.142.050</b>	<b>129.132.253.268</b>

**17. Chi phí bán hàng**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	5.804.561.721	5.524.893.121
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	643.252.573	910.819.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	599.201.642	560.769.659
Tiền thuê đất	2.831.406.045	2.242.944.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.175.802.646	3.126.011.900
Chi phí bằng tiền khác	1.124.308.742	1.246.758.722
	<b>14.178.533.369</b>	<b>13.612.197.266</b>

**18. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.962.227.489	2.845.003.506
Chi phí dụng cụ quản lý	388.774.477	404.745.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	206.789.432	267.689.852
Thuế phí và lệ phí	972.886.496	750.648.207
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.023.172.988	836.166.658
Chi phí bằng tiền khác	1.104.629.832	863.091.428
	<b>6.658.480.714</b>	<b>5.967.345.490</b>

**19. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận trước thuế	<b>866.767.797</b>	<b>1.307.473.721</b>
Thu nhập chịu thuế	<u>866.767.797</u>	<u>1.307.473.721</u>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm</b>	<b><u>173.353.560</u></b>	<b><u>261.494.744</u></b>
Điều chỉnh theo biên bản quyết toán thuế	52.284.360	50.823.133
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(71.119.657)	(52.614.401)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(170.000.000)	(330.823.133)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b><u>(15.481.737)</u></b>	<b><u>(71.119.657)</u></b>

**20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	693.414.237	1.045.978.977
Các khoản điều chỉnh	69.341.424	52.298.949
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	69.341.424	52.298.949
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	624.072.813	993.680.028
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.994.000	1.994.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>313</u></b>	<b><u>498</u></b>

Công ty tạm tính Quỹ Khen thưởng phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế của năm 2019 căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 45/NQ-HABOOK-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2019

**21. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.097.500	1.437.420.850
Chi phí nhân công	8.781.789.210	8.495.296.627
Chi phí khấu hao tài sản cố định	805.991.074	828.459.511
Chi phí công cụ dụng cụ	1.032.027.050	1.315.565.082
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.959.799.301	7.992.832.229
Chi phí khác bằng tiền	6.038.105.115	5.230.004.578
	<b><u>25.664.809.250</u></b>	<b><u>25.299.578.877</u></b>

## 22. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền	3.433.183.563	-	3.250.972.148	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.263.306.164	-	6.370.117.106	-
	<b>7.696.489.727</b>	<b>-</b>	<b>9.621.089.254</b>	<b>-</b>
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác			3.641.382.197	6.167.864.714
			<b>3.641.382.197</b>	<b>6.167.864.714</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>31/12/2019</b>			
Phải trả người bán, phải trả khác	3.641.382.197	-	3.641.382.197
	<b>3.641.382.197</b>	<b>-</b>	<b>3.641.382.197</b>
<b>01/01/2019</b>			
Phải trả người bán, phải trả khác	6.167.864.714	-	6.167.864.714
	<b>6.167.864.714</b>	<b>-</b>	<b>6.167.864.714</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**23. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**24. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	431.400.000	428.700.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc	189.811.752	175.578.250
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc	356.719.425	390.721.002
	<b>977.931.177</b>	<b>994.999.252</b>

**25. Số liệu so sánh**


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Trong đó, một số chỉ tiêu được trình bày lại, cụ thể như sau:

Trình bày lại	VND	Báo cáo kiểm toán năm trước đã trình bày VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.045.978.977	1.045.978.977
Các khoản điều chỉnh	52.298.949	-
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	52.298.949	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	993.680.028	1.045.978.977
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.994.000	1.994.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>498</b>	<b>525</b>

**26. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 15 tháng 03 năm 2020.

  
Trần Trung  
Người lập biểu

  
Nguyễn Hải Đăng  
Kế toán trưởng

  
Lê Quốc Bảo  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2020